TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI

Số: 19/ HSST
Ngày 22/07/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG TỈNH GIA LAI
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Kim Oanh; 2/ Ông Đặng Thái Hào.

Thư ký phiên tòa: ông Hà Đức Quang thư ký tòa án nhân dân huyện Chư Prông tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Chư Prông Gia Lai tham gia phiên tòa Bà: Mai Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở: Tòa án nhân dân huyện Chư Prông tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/ HSST ngày 30/05/2022 đối với bị cáo**:**Nguyễn Thị Ánh N; Sinh 19/06/1989, tại C, tỉnh Đ. ĐKHKTT Thôn A, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai Chỗ ở hiện nay, tổ dân phố A, Thị Trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp buôn bán. Học vấn 12/12. Con ông: Nguyễn T- sinh năm: 1966 và bà Dương Thị Phương L- sinh năm: 1970. Hiện cả cha và mẹ đang làm nông tại tổ dân phố A, Thị Trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị caó có 3 chị em, Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Bị cáo có chồng tên là Ngô Văn T, sinh 1982, có 2 (hai)con lớn nhất sinh năm 2012 nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án: Tiền sự : không. Bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Chư Prông từ ngày 02/04/2022 . Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo N có ông Nguyễn Đức D, luật sư thuộc công ty luật TNHHMTV Đ, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 159 Lê Thánh T, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị hại: B huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ 103 H, tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Người đại diện: Ông Ngô Văn C, sinh năm: 1972, Trú tại: 09 N, tổ dân phố A, thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Làng N, xã B, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, vắng mặt không lý do.

2/ Ngô Văn Csinh năm: 1972. Trú tại: 09 N, tổ dân phố A, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, có mặt.

3/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ Thôn Đ, Thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, có mặt

4/ Ngô Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ Thôn Đ, thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, có mặt.

5/Lê Hưng, sinh năm 1989.

Địa chỉ Tổ dân phố A, Thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Người làm chứng:

1/ Đại diện Ngân hàng TMCP C–chi nhánh Gia Lai, phòng giao dịch chư prông: ông Nguyễn Quốc N đại diện có đơn vắng mặt. Địa chỉ Tổ dân phố 3, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2/Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn 2 ,xã B, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, vắng mặt không lý do.

3/Trần Thị Mỹ Y, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, có đơn xin vắng mặt.

4/Nguyễn Thành P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Làng N , xã B, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, có đơn xin vắng mặt.

5/Ngô Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn A , xã B, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, vắng mặt không lý do.

6/Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1979.

Địa chỉ Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ánh N là người hành nghề kinh doanh buôn bán thuốc tây, car điện thoại, hợp đồng thu cước điện thoại, internet cho chi nhánh Viettel huyện Chư Prông tại thôn 2 (nay là thôn Tân Lập), xã B, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Vì việc thu tiền và thanh toán tiền cước điện thoại, internet của khách hàng chủ yếu thông qua tài khoản ngân hàng nên từ năm 2018, N thường xuyên đến B văn hóa xã B để thực hiện các giao dịch chuyển tiền, từ đó N có mối quan hệ quen biết với nhân viên B là Nguyễn Thị H và cũng từ những lần giao dịch chuyển tiền, N biết việc những giao dịch chuyển tiền phát sinh tại B văn hóa xã B khi đã quá giờ sau khi đóng chuyến thư thì B văn hóa xã B được giữ lại số tiền giao dịch đó và chuyển về cho B huyện vào ngày hôm sau, có nghĩa là tại thời điểm giao dịch không cần đưa đủ tiền cho nhân viên B mà chỉ cần trả tiền trước 12 giờ trưa ngày hôm sau.

Khoảng tháng 03/2019 công việc làm ăn của N không thuận lợi, N không có vốn đầu tư tiếp tục kinh doanh cũng như không có tiền để trả lãi cho các khoản nợ

trong khi N cần tiền để xoay vòng vốn đầu tư làm ăn nên N tiếp tục đến B văn hóa xã B thực hiện giao dịch mục đích chuyển tiền vào tài khoản của N để sử dụng trả nợ và chi tiêu. N đến gặp H và nói H chuyển tiền vào tài khoản cho N, vì tin tưởng như những lần giao dịch trước đây N đều trả đủ tiền ngay sau khi giao dịch nên H nhập lệnh chuyển tiền cho N. Tuy nhiên, sau khi chuyển tiền xong thì N xin nợ hoặc trả không đủ số tiền đã giao dịch với lý do chưa thu được tiền cước của khách hàng hoặc do lỗi mạng nên tiền chưa chuyển đến tài khoản, N nói với H để N thu tiền khách hàng thì sẽ trả đủ cho H. Vì có mối quan hệ thân quen với N, nên H đã đồng ý cho N trả tiền sau. Sau đó N có trả cho H một ít tiền và nợ lại với các lý do như chưa thu đủ tiền khách hàng, tiền chưa về kịp vào tài khoản nên ngày hôm sau N tiếp tục đến đề nghị H chuyển tiền vào tài khoản N với số tiền cao hơn ngày hôm trước sau đó N đi rút tiền mặt để trả lại cho H tiền nợ của ngày hôm trước và tiền còn lại thì tiêu xài cá nhân.

Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2019, N thường xuyên đến B văn hóa xã B gặp H để giao dịch chuyển tiền như trên, ban đầu mỗi lần giao dịch khoảng 50-60 triệu đồng sau đó tăng dần lên đến hơn 100.000.000 đồng, thời gian giao dịch thường xuyên, liên tục. Hình thức giao dịch là khi N đề nghị H chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng mà N cung cấp thì H thực hiện lệnh giao dịch chuyển tiền, tuy nhiên tại thời điểm yêu cầu thực hiện giao dịch chuyển tiền, N không đưa đủ tiền cho H mà trước 12 giờ ngày hôm sau sẽ đưa đủ.

Vào lúc 8 giờ ngày 20/5/2019, do có nhu cầu sử dụng tiền vào việc chi tiêu cá nhân và bản thân biết không có khả năng trả tiền nhưng N vẫn đến B xã B nhờ Nguyễn Thị H chuyển số tiền 166.000.000 đồng vào các tài khoản của N. Khi đề nghị chuyển tiền N không nói trước là không mang theo tiền. Vì quy định việc chuyển tiền là trong ngày chỉ chuyển 01 lần tối đa số tiền 20.000.000 đồng vào một tài khoản nên N yêu cầu H chuyển tiền vào các tài khoản của N gồm tài khoản Ngân hàng TMCP Công thương số tiền: 20.000.000 đồng, tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội số tiền: 20.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội của chồng N là Ngô Văn Tâm số tiền 6.000.000 đồng; N nhờ H chuyển tiền vào 02 số tài khoản của H gồm tài khoản Ngân hàng Bảo Việt số tiền: 20.000.000 đồng, tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội số tiền: 20.000.000 đồng và nhờ H chuyển tiền vào 02 số tài khoản N nhờ của anh Nguyễn Thành Phát gồm tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội số tiền: 20.000.000 đồng và tài khoản Ngân hàng TMCP Kỹ thương số tiền: 20.000.000 đồng, chuyển vào số tài khoản Ngân hàng TMCP Công thương của chị Nguyễn Thị Tuyết Mai số tiền: 20.000.000 đồng và số tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội của chị Trần Thị Mỹ Yến số tiền: 20.000.000 đồng, đây là những người mà N quen biết, nhận tiền từ B và sau đó thực hiện chuyển khoản lại vào các tài khoản ngân hàng của N. Sau đó, N chuyển số tiền 119.900.000 đồng vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Tuyết Mai rồi nhờ Mai đến Ngân hàng TMCP Công thương rút tiền mặt số tiền 139.900.000 đồng đưa cho N, còn 6.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng TMCP Quân đội của Ngô Văn

Tâm do N quản lý sử dụng. Sau khi chuyển xong, H nói N đưa tiền nhưng N nói chưa gom đủ hẹn chiều cùng ngày sẽ trả lại tiền.

Sau khi nhận được toàn bộ số tiền, N trả cho H số tiền giao dịch N còn tH của lần giao dịch trước đó ngày 17/5/2019 là 86.000.000 đồng, số còn lại N sử dụng để tiêu xài cá nhân…và N hứa trả đủ tiền vào trưa cùng ngày, tuy nhiên không thấy N trả tiền như đã hứa nên chị H đã báo cáo vụ việc đến B huyện Chư Prông. Sau khi làm việc, giữa đại diện B và N thỏa thuận N sẽ nộp đủ số tiền vào trước 12 giờ ngày 21/5/2019, tuy nhiên N không trả như thỏa thuận, không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương, bỏ trốn về nhà bố mẹ tại thị trấn Quảng Phú, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

Để cho hoạt động của B không bị gián đoạn, trong ngày 21/5/2019 một số cán bộ B huyện Chư Prông đã bỏ tiền cá nhân ra để nộp đầy đủ số tiền 166.000.000 đồng, cụ thể: ông Ngô Văn Chánh 66.000.000 đồng, bà Ngô Thị Hạnh 30.000.000 đồng, ông Lê Hưng 40.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Dung 30.000.000 đồng và hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển tiền của B diễn ra bình thường.

Ngày 02/4/2022, Nguyễn Thị Ánh N đến Công an thị trấn Quảng Phú, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 15/CT- VKS ngày 30/05/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ánh N về " Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 174 BLHS.

Kiểm sát viên đại diện VKSND huyện Chư Prông tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ánh N phạm " Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản "

Đề Nghị áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS đề nghị

- Xử phạt bị cáo N từ 18 (mười tám) tháng tù đến 22 (hai mươi hai) tháng tù
-Về vật chứng: không có gì không giải quyết

Về dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 166.000.000 đồng cho B huyện Chư Prông. Đại diện B huyện Chư Prông là ông Ngô Văn Chánh xác nhận đã nhận đủ số tiền không có yêu cầu gì thêm không giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Chánh, bà Ngô Thị Hạnh, ông Lê Hưng, bà Nguyễn Thị Dung xác nhận đã nhận lại đủ tiền cho B mượn, từ B huyện Chư Prông và không có yêu cầu gì thêm, không giải quyết. Và đề nghị giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

Trình bày lời bào chữa cho bị cáo ông Nguyễn Đức Du luật sư thuộc công ty luật TNHHMTV Đại Nguyên Đoàn luật sư, tỉnh Đắk Lắk. Có ý kiến nhất trí về phần tội danh cũng như các điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đã buộc tội đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải, đã tác động với gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, được đại diện hợp pháp của bị hại ông Ngô Văn Chánh có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm **b, s, n khoản 1,** khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự đề nghị mức án đối với bị cáo Nguyễn Thị N là không quá 12 tháng tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" .

-Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Đối đáp với người bào chữa cho bị cáo, Kiểm sát viên không nhất trí mức án của người bào chữa đề nghị mà vẫn giữ nguyên mức án mà VKS đã đề nghị đối với bị cáo.

-Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để được sớm về nuôi hai con nhỏ chồng thì bỏ đi hiện có một con dưới 36 tháng tuổi đang gửi nhờ ông bà ngoại chăm sóc giữ dùm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Prông, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự : Trong quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ánh N đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án như biên bản ghi lời khai của người đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người nhân chứng, HĐXX có đủ cơ sở xác định.

Hành vi của Nguyễn Thị Ánh N khi biết việc chuyển tiền qua B trước rồi giao nhận tiền sau và lợi dụng sự quen biết với H là người quản lý việc chuyển tiền đó để giải (không chặt chẽ) mà cũng là do khâu quản lý không chặt chẽ của B huyện chư prông nên vào ngày 20/5/2019 N đã dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tiền của B bằng cách dùng thủ đoạn gian dối đó là mượn nhờ tài khoản của một số người quen thân (cụ thể như là tài khoản của Tâm là chồng, tài khoản của Phát, Yến, Mai, H.v.v.v.) và nói nhân viên B chuyển tiền vào các tài khoản này mỗi tài khoản với số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo mức mà B quy định sau đó nói (nhờ)với các chủ tài khoản này chuyển tiền trở lại vào tài khoản của N

rồi N chiếm đoạt dùng thủ đoạn như vậy N đã chiếm đoạt được của B huyện Chư Prông số tiền 166.000.000đ(một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) đem đi trả nợ và tiêu xài cá nhân hết) sau đó bỏ trốn, đến ngày 09/02/2022 cơ quan cảnh sát điều tra công An huyện chư prông, tỉnh gia lai phát lệnh truy nã đến ngày 02 tháng 04 năm 2022 N đến cơ quan chức năng đầu thú khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của Nguyễn Thị Ánh N là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hửu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại cho bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Ánh N đã phạm vào "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Căn cứ yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, HĐXX xét cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo rèn luyện, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay bị cáo N đã thật thà thành khẩn khai báo có thái độ ăn năn hối cải mặt khác bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu khi phạm tội (20/5/2019) thì bị cáo đang có thai 3 tháng tuổi và đã tích cực tác động với người thân là mẹ của bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả xẩy ra và đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp đầy đủ vậy khi lượng hình có cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, trước tòa đại diện bị hại Ông Ngô Văn Chánh có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

HĐXX xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điều 51 BLHS do đó cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để hạ khung hình phạt cho bị cáo *là phù hợp với quy định của pháp luật*.

Việc VKS đề nghị phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 22 tháng tù là quá nghiêm khắc, do đó HĐXX xét cần thiết phạt bị cáo với mức án thấp hơn mức án mà VKS đề nghị là cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội.

Nhưng cũng phải lên mức án tương xứng với tính chất, hành vi, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra thì mới có đủ điều kiện cải tạo trở thành người tốt có ích cho xã hội và đó cũng chính là biện pháp tốt nhất để đảm bảo phòng ngừa chung và ngăn ngừa riêng.

Đối với Nguyễn Thị H là nhân viên B thực hiện chuyển tiền cho bị cáo N khi bị cáo N chưa đưa tiền giao dịch. Quá trình điều tra xác định, H thực hiện việc chuyển tiền và cho N nợ lại là vì tin tưởng về khả năng trả tiền của N, H không biết N mất khả năng thanh toán và N có ý thức chiếm đoạt tài sản, qua điều tra không có

chứng cứ để chứng minh H có động cơ vụ lợi trong việc chuyển tiền cho N nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị H.

Về vật chứng: không có gì không giải quyết.

[3].Về dân sự: gia đình bị cáo đã bồi thường xong, Đại diện bị hại ông Ngô Văn Chánh xác nhận đã nhận đủ số tiền 166.000.000đ (một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) do mẹ của bị cáo N là bà Dương thị Phương Lan nộp bồi thường, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hưng, Ông Ngô Văn Chánh, bà Ngô Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Dung cũng xác nhận đã nhận lại đủ số tiền đã bỏ ra để duy trì hoạt động bình thường của B huyện Chư Prông không bị đình trệ, không ai có yêu cầu gì thêm, không giải quyết.

[4].Về án phí: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ánh N, phạm " tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 174, Điều 38, điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS.

-Tuyên Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh N 12 (mười hai) tháng tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tính từ ngày tạm giữ là ngày 02/04/2022.

Về dân sự: Đã bồi thường xong, không ai có yêu cầu gì thêm, không giải quyết.

Về án phí sơ thẩm hình sự Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về thời hạn kháng cáo: Căn cứ Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày (22/07/2022) bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần quyền lợi nghĩa vụ của mình liên quan đến vụ án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội Thẩm nhân dân **Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Oanh **Đặng Thái Hào** **Nguyễn Văn Khương**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện Chư Prông;
- Công an huyện Chư Prông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự huyện Chư Prông;
- Lưu hồ sơ vụ án**.**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội Thẩm nhân dân **Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Oanh **Đặng Thái Hào** **Nguyễn Văn Khương**